

TRƯỜNG TIỂU HỌC CỰ KHỐI

Họ tên :.....

Lớp: 1A...

Thứ Ba, ngày 31 tháng 12 năm 2024

**BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TIẾNG VIỆT (PHẦN ĐỌC) - LỚP 1**

Năm học: 2024 - 2025

(Thời gian làm bài: 35 phút)

Điểm		Nhận xét của giáo viên
Đọc tiếng:...		
Đọc hiểu: ...		
		

I. ĐỌC THÀNH TIẾNG (7 điểm)

GV cho HS bốc thăm và đọc theo phiếu. Mỗi em đọc khoảng 2 đến 3 phút.

II. ĐỌC THẦM VÀ LÀM BÀI TẬP. (3 điểm)

Bài 1: Nối từ với hình phù hợp (1 điểm)

cồn cát

1

bún chả



số một



bút bi



Bài 2: Đọc thầm và trả lời câu hỏi: (2 điểm)

Bé Nga

Bé Nga chăm chỉ lắm. Cả nhà quý bé. Ở nhà, Nga mở vở chép bài, đạp xe, bế em giúp mẹ, nhổ tóc bạc cho ông ... Ở lớp, Nga chăm học, chăm làm, lễ phép, học tốt, viết chữ đẹp... Nga là cô bé chăm chỉ.

Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng.

1. ☐ **nhà Nga làm gì?** (0.5 điểm)
A. đi chơi
C. đi đá bóng
B. đi chợ với bà
D. bế em
2. ☐ **lớp, Nga nh ☐ thế nào?** (0.5 điểm)
A. chăm học
C. đạp xe
B. ham chơi
D. giúp bạn
3. ☐ **Nga là cô bé nh ☐ thế nào?** (1 điểm)

A large grid of 20 columns and 10 rows, intended for drawing a picture. The grid is composed of solid lines forming a coarse grid and dotted lines forming a finer grid within each coarse cell.

TRƯỜNG TIỂU HỌC CỤ KHỐI

Họ tên :.....

Lớp: 1A...

Thứ Ba, ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ CUỐI HỌC KÌ I
MÔN TIẾNG VIỆT (PHẦN VIẾT) - LỚP 1

Năm học: 2024 - 2025

(Thời gian làm bài: 35 phút)

Môn: Tiếng Việt lớp 1

A. PHẦN KIỂM TRA ĐỌC (10 điểm):

I. Đọc thành tiếng (7 điểm):

- Thao tác đọc đúng: tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc : 1 điểm
- Phát âm rõ các vần khó, cần phân biệt : 1 điểm
- Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu (không đọc sai quá 10 tiếng): 1 điểm
- Âm lượng đọc vừa đủ nghe: 1 điểm
- Tốc độ đọc đạt yêu cầu (tối thiểu 30 tiếng / phút): 1 điểm
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ : 1 điểm
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

II. Đọc thầm và làm bài tập: (3 điểm)

- Câu 1(1 điểm) Mỗi từ nối đúng được 0,25 điểm:
- Câu 2: (2 điểm) Câu 1, câu 2 khoanh đúng được 0.5 điểm.
Câu 3 trả lời đúng được 1 điểm

B. PHẦN KIỂM TRA VIẾT

I. Chính tả: 7 điểm

- Câu 1: Tốc độ đạt yêu cầu; Viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ: (2 điểm)
- Câu 2: Tốc độ đạt yêu cầu; Viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ: (2 điểm)
- Câu 3: Tốc độ đạt yêu cầu; Viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ: (2 điểm)
- Mỗi lỗi sai trừ: 0,25 điểm
- Mắc quá 5 lỗi cả bài về chính tả, cỡ chữ, nét nối,.. trừ: 2 điểm
- Trình bày đúng quy định, sạch, đẹp : 1 điểm

II. Bài tập: 3 điểm

- 1.(1 điểm) Mỗi chỗ trống điền đúng được 0,5 điểm
- 2.(1 điểm) Mỗi chỗ trống điền đúng được 0,5 điểm
3. (1 điểm) Viết đúng 1 tiếng: 0,25 điểm; Viết đúng 1 từ: 0,5 điểm